|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| YN+TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN – LẦN 1** | | | | |
| **KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN** | | | Học kỳ: 1 | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: 7KE0040 Tên học phần: Kế toán tài chính | | | | | | |
| Mã nhóm lớp HP: | 211\_7KE0040\_01 | | | | | |
| Thời gian làm bài: | 75 (phút) | | | | | |
| **Hình thức thi:** | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | | | | | |
| **Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi | | | | | | |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM): (10 Câu x 0,4 điểm/câu)**

**Câu 01: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 01-C1-a:** Ngày 10/07/N, công ty chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng tháng trước cho người bán Z sau khi trừ đi chiết khấu thanh toán được hưởng là 2% trên tổng số tiền phải thanh toán, công ty đã nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng. Biết rằng lô hàng công ty đã mua của người bán Z có tổng trị giá mua chưa thuế là 50.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 10/07/N như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 331\_Z 55.000.000  Có TK 515 1.100.000  Có TK 112 53.900.000 | **B**. Nợ TK 112 54.000.000  Nợ TK 635 1.000.000  Có TK 131\_Z 55.000.000 |
| **C**. Nợ TK 331\_Z 55.000.000  Có TK 515 1.000.000  Có TK 112 54.000.000 | **D**. Nợ TK 112 53.900.000  Nợ TK 635 1.100.000  Có TK 131\_Z 55.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 01-C1-b:** Ngày 10/07/N, Công ty chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng tháng trước cho người bán Z sau khi trừ đi chiết khấu thanh toán được hưởng là 1% trên tổng số tiền phải thanh toán, công ty đã nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng. Biết rằng lô hàng công ty đã mua của người bán Z có tổng trị giá mua chưa thuế là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 10/07/N như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 331\_Z 33.000.000  Có TK 515 330.000  Có TK 112 32.670.000 | **B**. Nợ TK 112 32.700.000  Nợ TK 635 300.000  Có TK 131\_Z 33.000.000 |
| **C**. Nợ TK 331\_Z 33.000.000  Có TK 515 300.000  Có TK 112 32.700.000 | **D**. Nợ TK 112 32.670.000  Nợ TK 635 330.000  Có TK 131\_Z 33.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 02: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 02-C2-a:** Ngày 05/04/N, công ty chi tiền gửi ngân hàng mua công cụ dụng cụ dùng ngay cho bộ phận bán hàng, thời gian dự kiến phân bổ là 6 tháng, tổng trị giá thanh toán là 7.700.000đ, trong đó thuế GTGT là 10%. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 05/04/N như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 242 7.000.000  Nợ TK 133 700.000  Có TK 112 7.700.000 | **B**. Nợ TK 641 7.000.000  Nợ TK 133 700.000  Có TK 112 7.700.000 |
| **C**. Nợ TK 242 7.700.000  Nợ TK 133 770.000  Có TK 112 8.470.000 | **D**. Nợ TK 153 7.000.000  Nợ TK 133 700.000  Có TK 112 7.700.000 |

ANSWER: A

**Câu 02-C2-b:** Ngày 05/04/N, công ty chi tiền gửi ngân hàng mua công cụ dụng cụ dùng ngay cho phân xưởng sản xuất, thời gian dự kiến phân bổ là 5 tháng, tổng trị giá thanh toán là 6.050.000đ, trong đó thuế GTGT là 10%. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 05/04/N như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 242 5.500.000  Nợ TK 133 550.000  Có TK 112 6.050.000 | **B**. Nợ TK 627 5.500.000  Nợ TK 133 550.000  Có TK 112 6.050.000 |
| **C**. Nợ TK 153 6.050.000  Nợ TK 133 605.000  Có TK 112 6.655.000 | **D**. Nợ TK 242 6.050.000  Nợ TK 133 605.000  Có TK 112 6.655.000 |

ANSWER: A

**Câu 03: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 03-C2-a:** Ngày 05/09/N, công ty mua nhập kho 1.000kg nguyên vật liệu chính từ người bán ABC với giá mua chưa thuế 22.500đ/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty chưa thanh toán tiền cho người bán. Do công ty mua với số lượng lớn nên người bán đồng ý giảm 500đ/kg trên giá mua chưa thuế, trừ thẳng trên hóa đơn mua lần này. Kế toán công ty ghi nhận nghiệp vụ ngày 05/09/N như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua 22.500đ/kg là giá chưa giảm.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 152 22.000.000  Nợ TK 133 2.200.000  Có TK 331 24.200.000 | **B**. Nợ TK 621 22.000.000  Nợ TK 133 2.200.000  Có TK 331 24.200.000 |
| **C**. Nợ TK 152 22.500.000  Nợ TK 133 2.250.000  Có TK 331 24.750.000  **Và:**  Nợ TK 331 550.000  Có TK 152 500.000  Có TK 133 50.000 | **D**. Nợ TK 152 22.500.000  Nợ TK 133 2.250.000  Có TK 331 24.750.000 |

ANSWER: A

**Câu 03-C2-b:** Ngày 05/09/N, công ty mua nhập kho 1.000kg nguyên vật liệu chính từ người bán ABC với giá mua chưa thuế 23.300đ/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty chưa thanh toán tiền cho người bán. Do công ty mua với số lượng lớn nên người bán đồng ý giảm 300đ/kg trên giá mua chưa thuế, trừ thẳng trên hóa đơn mua lần này. Kế toán công ty ghi nhận nghiệp vụ ngày 05/09/N như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua 23.300đ/kg là giá chưa giảm.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 152 23.000.000  Nợ TK 133 2.300.000  Có TK 331 25.300.000 | **B**. Nợ TK 621 23.000.000  Nợ TK 133 2.300.000  Có TK 331 25.300.000 |
| **C**. Nợ TK 152 23.300.000  Nợ TK 133 2.330.000  Có TK 331 25.630.000  **Và:**  Nợ TK 331 330.000  Có TK 152 300.000  Có TK 133 30.000 | **D**. Nợ TK 152 23.300.000  Nợ TK 133 2.330.000  Có TK 331 25.630.000 |

ANSWER: A

**Câu 04: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 04-C3-a:** Ngày 16/04/N, công ty mua một thiết bị dùng ngay cho phân xưởng sản xuất có giá mua chưa thuế 200.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán, thời gian trích khấu hao 10 năm. Chi phí trước khi sử dụng 10.000.000đ, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Ngày 30/04/N, kế toán thực hiện bút toán trích khấu hao tháng 04 của thiết bị này như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 6274 875.000  Có TK 2141 875.000 | **B**. Nợ TK 6274 833.333  Có TK 2141 833.333 |
| **C**. Nợ TK 211 200.000.000  Nợ TK 133 20.000.000  Có TK 331 220.000.000 | **D**. Nợ TK 211 10.000.000  Có TK 112 10.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 04-C3-b:** Ngày 16/04/N, công ty mua một thiết bị dùng ngay cho phân xưởng sản xuất có giá mua chưa thuế 230.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán, thời gian trích khấu hao 10 năm. Chi phí trước khi sử dụng 10.000.000đ, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Ngày 30/04/N, kế toán thực hiện bút toán trích khấu hao tháng 04 của thiết bị này như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 6274 1.000.000  Có TK 2141 1.000.000 | **B**. Nợ TK 6274 958.333  Có TK 2141 958.333 |
| **C**. Nợ TK 211 230.000.000  Nợ TK 133 23.000.000  Có TK 331 253.000.000 | **D**. Nợ TK 211 10.000.000  Có TK 112 10.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 05: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 05-C3-a:** Ngày 20/03/N, việc sửa chữa lớn TSCĐ Z thuộc phân xưởng sản xuất đã hoàn thành, công ty nhận được hóa đơn chi phí sửa chữa TSCĐ Z do công ty M phát hành với tổng trị giá thanh toán là 23.100.000đ, trong đó thuế GTGT là 5%, công ty chưa thanh toán tiền cho công ty M. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 20/03/N như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 2413 22.000.000  Nợ TK 133 1.100.000  Có TK 331 23.100.000 | **B**. Nợ TK 627 23.100.000  Có TK 2143 23.100.000 |
| **C**. Nợ TK 2413 23.100.000  Nợ TK 133 1.155.000  Có TK 331 24.255.000 | **D**. Nợ TK 3524 23.100.000  Có TK 2413 23.100.000 |

ANSWER: A

**Câu 05-C3-b:** Ngày 20/03/N, việc sửa chữa lớn TSCĐ Z thuộc phân xưởng sản xuất đã hoàn thành, công ty nhận được hóa đơn chi phí sửa chữa TSCĐ Z do công ty M phát hành với tổng trị giá thanh toán là 21.000.000đ, trong đó thuế GTGT là 5%, công ty chưa thanh toán tiền cho công ty M. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 20/03/N như thế nào? Biết công ty kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 2413 20.000.000  Nợ TK 133 1.000.000  Có TK 331 21.000.000 | **B**. Nợ TK 627 21.000.000  Có TK 2143 21.000.000 |
| **C**. Nợ TK 2413 21.000.000  Nợ TK 133 1.050.000  Có TK 331 22.050.000 | **D**. Nợ TK 3524 21.000.000  Có TK 2413 21.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 06: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 06-C4-a:** Ngày 31/05/2020, căn cứ vào Bảng lương tháng 05/2020 tiền lương phải trả cho bộ phận bán hàng là 50.000.000đ. Kế toán ghi nhận bút toán trích các khoản theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN) như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 641 11.750.000  Nợ TK 334 5.250.000  Có TK 338 17.000.000 | **B**. Nợ TK 641 50.000.000  Có TK 334 50.000.000 |
| **C**. Nợ TK 641 11.750.000  Có TK 338 11.750.000 | **D**. Nợ TK 642 11.750.000  Nợ TK 334 5.250.000  Có TK 338 17.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 06-C4-b:** Ngày 31/05/2020, căn cứ vào Bảng lương tháng 05/2020 tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý doanh nghiệp là 40.000.000đ. Kế toán ghi nhận bút toán trích các khoản theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN) như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 642 9.400.000  Nợ TK 334 4.200.000  Có TK 338 13.600.000 | **B**. Nợ TK 642 40.000.000  Có TK 334 40.000.000 |
| **C**. Nợ TK 641 9.400.000  Nợ TK 334 4.200.000  Có TK 338 13.600.000 | **D**. Nợ TK 641 9.400.000  Có TK 338 9.400.000 |

ANSWER: A

**Câu 07: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 07-C5-a:** Bút toán nào sau đây ghi nhận trường hợp công ty chi tiền gửi ngân hàng mua lại cổ phiếu do chính công ty mình phát hành để làm cổ phiếu quỹ:

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 419  Có TK 112 | **B**. Nợ TK 121  Có TK 112 |
| **C**. Nợ TK 112  Nợ TK 4112  Có TK 41111 | **D**. Nợ TK 128  Có TK 112 |

ANSWER: A

**Câu 07-C5-b:** Bút toán nào sau đây phản ánh chi phí phát hành cổ phiếu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng:

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 4112  Có TK 112 | **B**. Nợ TK 41112  Có TK 112 |
| **C**. Nợ TK 41111  Nợ TK 4112  Có TK 112 | **D**. Nợ TK 419  Có TK 112 |

ANSWER: A

**Câu 08: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 08-C5-a:** Ngày 15/12/N, công ty phát hành thêm 100.000cp phổ thông để chia cổ tức cho cổ đông với giá phát hành 18.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 15/12/N như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 421 1.800.000.000  Có TK 41111 1.000.000.000  Có TK 4112 800.000.000 | **B**. Nợ TK 421 1.000.000.000  Có TK 41111 1.000.000.000 |
| **C**. Nợ TK 421 1.800.000.000  Có TK 41111 1.800.000.000 | **D**. Nợ TK 421 1.000.000.000  Nợ TK 4112 800.000.000  Có TK 41111 1.800.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 08-C5-b:** Ngày 15/12/N, công ty phát hành thêm 100.000cp phổ thông để chia cổ tức cho cổ đông với giá phát hành 20.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 15/12/N như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 421 2.000.000.000  Có TK 41111 1.000.000.000  Có TK 4112 1.000.000.000 | **B**. Nợ TK 421 1.000.000.000  Có TK 41111 1.000.000.000 |
| **C**. Nợ TK 421 2.000.000.000  Có TK 41111 2.000.000.000 | **D**. Nợ TK 421 1.000.000.000  Nợ TK 4112 1.000.000.000  Có TK 41111 2.000.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 09: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 09-C6-a:** Ngày 10/07/N, công ty chuyển khoản 5.000.000.000đ góp vốn vào công ty A. Sau khi góp vốn tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong công ty A là 60% và công ty có quyền kiểm soát đối với hoạt động công ty A. Kế toán công ty ghi nhận khoản góp vốn này vào tài khoản:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **A**. TK 221 - Đầu tư vào công ty con | 1. **B**. TK 2281 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác |
| 1. **C**. TK 2288 - Đầu tư khác | 1. **D**. TK 222 - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết |

ANSWER: A

**Câu 09-C6-a:** Ngày 10/07/N, công ty chuyển khoản 3.000.000.000đ góp vốn vào công ty A. Sau khi góp vốn tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong công ty A là 48% và công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với hoạt động công ty A. Kế toán công ty ghi nhận khoản góp vốn này vào tài khoản:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **A**. TK 222 - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 1. **B**. TK 221 - Đầu tư vào công ty con |
| 1. **C**. TK 2288 - Đầu tư khác | 1. **D**. TK 2281 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác |

ANSWER: A

**Câu 10: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 10-C6-a:** Ngày 12/08/N, công ty bán 15.000 cổ phiếu của công ty A thu bằng tiền gửi ngân hàng với giá bán 32.000đ/cp. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 12/08/N như thế nào? Biết rằng lúc trước công đã mua 1 cổ phiếu với giá 20.000đ và nắm giữ với mục đích kinh doanh.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 112 480.000.000  Có TK 1211 300.000.000  Có TK 515 180.000.000 | **B**. Nợ TK 112 300.000.000  Có TK 1211 300.000.000 |
| **C**. Nợ TK 112 300.000.000  Nợ TK 635 180.000.000  Có TK 1211 480.000.000 | **D**. Nợ TK 112 480.000.000  Có TK 1211 480.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 10-C6-b:** Ngày 12/08/N, công ty bán 12.000 cổ phiếu của công ty A thu bằng tiền gửi ngân hàng với giá bán 31.000đ/cp. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 12/08/N như thế nào? Biết rằng lúc trước công đã mua 1 cổ phiếu với giá 22.000đ và nắm giữ với mục đích kinh doanh.

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Nợ TK 112 372.000.000  Có TK 1211 264.000.000  Có TK 515 108.000.000 | **B**. Nợ TK 112 264.000.000  Có TK 1211 264.000.000 |
| **C**. Nợ TK 112 264.000.000  Nợ TK 635 108.000.000  Có TK 1211 372.000.000 | **D**. Nợ TK 112 372.000.000  Có TK 1211 372.000.000 |

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (6 ĐIỂM)**

**Câu 1: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 1\_a: (3,0 điểm)**

Tài liệu 1: Công ty sản xuất Anh Nhi chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A, có một số thông tin như sau:

* Kỳ kế toán tháng;
* Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
* Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO;
* Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
* Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 31/03/N của một số tài khoản như sau:

* TK 152: 25.000.000đ (chi tiết 1.000 kg)
* TK 131\_Z (Dư Nợ): 20.000.000đ (Nhận trước tiền mua hàng của công ty Z)
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 04/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**1.a.1*.* Ngày 05/04**, Công ty mua nhập kho 2.000kg nguyên vật liệu từ người bán N, đơn giá mua chưa thuế 30.000đ/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về kho 1.650.000đ, trong đó thuế GTGT là 10%, thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,0 điểm)**

**1.a.2. Ngày 10/04,** công ty bán một TSCĐ hữu hình đang dùng tại phân xưởng sản xuất có nguyên giá 250.000.000đ, khấu hao lũy kế đến thời điểm bán 180.000.000đ, giá bán chưa thuế 85.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí thanh lý tài sản thanh toán bằng tiền mặt là 2.000.000đ. **(1,5 điểm)**

**1.a.3. Ngày 25/04,** xuất kho 1.200kg nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

**Câu 1\_b: (3,0 điểm)**

Tài liệu 1: Công ty sản xuất Anh Nhi chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A, có một số thông tin như sau:

* Kỳ kế toán tháng;
* Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
* Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO;
* Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
* Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 31/03/N của một số tài khoản như sau:

* TK 152: 22.400.000đ (chi tiết 800 kg)
* TK 131\_Z (Dư Nợ): 50.000.000đ (Nhận trước tiền mua hàng của công ty Z)
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 04/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**1.b.1*.* Ngày 05/04**, công ty mua nhập kho 1.500kg nguyên vật liệu từ người bán N, đơn giá mua chưa thuế 32.000đ/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về kho 1.980.000đ, trong đó thuế GTGT là 10%, thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,0 điểm)**

**1.b.2. Ngày 10/04,** công ty bán một TSCĐ hữu hình đang dùng tại phân xưởng sản xuất có nguyên giá 320.000.000đ, khấu hao lũy kế đến thời điểm bán 180.000.000đ, giá bán chưa thuế 150.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí thanh lý tài sản thanh toán bằng tiền mặt là 2.500.000đ **(1,5 điểm)**

**1.b.3. Ngày 25/04,** xuất kho 1.200kg nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

**Đáp án Câu 1:**

**Câu 1\_a: (3,0 điểm)**

Tài liệu 1: Công ty sản xuất Anh Nhi chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A, có một số thông tin như sau:

* Kỳ kế toán tháng;
* Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
* Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO;
* Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
* Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 31/03/N của một số tài khoản như sau:

* TK 152: 25.000.000đ (chi tiết 1.000 kg)
* TK 131\_Z (Dư Nợ): 20.000.000đ (Nhận trước tiền mua hàng của công ty Z)
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 04/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**1.a.1*.* Ngày 05/04**, Công ty mua nhập kho 2.000kg nguyên vật liệu từ người bán N, đơn giá mua chưa thuế 30.000đ/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về kho 1.650.000đ, trong đó thuế GTGT là 10%, thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,0 điểm)**

**+ Mua nguyên vật lệu chưa thanh toán tiền (0,5 điểm)**

Nợ TK 152 60.000.000 (2.000kg x 30.000đ/kg)

Nợ TK 133 6.000.000 (60.000.000 x 10%)

Có TK 331\_N 66.000.000

**+ Chi phí vận chuyển (0,5 điểm)**

Nợ TK 152 1.500.000 (1.650.000/1,1)

Nợ TK 133 150.000 (1.500.000 x 10%)

Có TK 141 1.650.000

**1.a.2. Ngày 10/04,** công ty bán một TSCĐ hữu hình đang dùng tại phân xưởng sản xuất có nguyên giá 250.000.000đ, khấu hao lũy kế đến thời điểm bán 180.000.000đ, giá bán chưa thuế 85.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí thanh lý tài sản thanh toán bằng tiền mặt là 2.000.000đ. **(1,5 điểm)**

**+ Xóa sổ TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 2141 180.000.000

Nợ TK 811 70.000.000 (250.000.000 – 180.000.000)

Có TK 211 250.000.000

**+ Thu nhập bán TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 112 93.500.000

Có TK 711 85.000.000

Có TK 333 8.500.000 (85.000.000 x 10%)

**+ Chi phí thanh lý TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 811 2.000.000

Có TK 111 2.000.000

**1.a.3. Ngày 25/04,** xuất kho 1.200kg nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

Đơn giá 1kg nguyên liệu nhập kho ngày 05/04

(60.000.000 + 1.500.000)/2.000 = 30.750đ/kg

Nợ TK 621 31.150.000

Có TK 152 31.150.000 (25.000.000 + 200kg x 30.750đ/kg)

**Câu 1\_b: (3,0 điểm)**

Tài liệu 1: Công ty sản xuất Anh Nhi chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A, có một số thông tin như sau:

* Kỳ kế toán tháng;
* Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
* Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO;
* Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
* Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 31/03/N của một số tài khoản như sau:

* TK 152: 22.400.000đ (chi tiết 800 kg)
* TK 131\_Z (Dư Nợ): 50.000.000đ (Nhận trước tiền mua hàng của công ty Z)
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 04/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**1.b.1*.* Ngày 05/04**, công ty mua nhập kho 1.500kg nguyên vật liệu từ người bán N, đơn giá mua chưa thuế 32.000đ/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về kho 1.980.000đ, trong đó thuế GTGT là 10%, thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,0 điểm)**

**+ Mua nguyên vật lệu chưa thanh toán tiền (0,5 điểm)**

Nợ TK 152 48.000.000 (1.500kg x 32.000đ/kg)

Nợ TK 133 4.800.000 (48.000.000 x 10%)

Có TK 331\_N 52.800.000

**+ Chi phí vận chuyển (0,5 điểm)**

Nợ TK 152 1.800.000 (1.980.000/1,1)

Nợ TK 133 180.000 (1.800.000 x 10%)

Có TK 141 1.980.000

**1.b.2. Ngày 10/04,** công ty bán một TSCĐ hữu hình đang dùng tại phân xưởng sản xuất có nguyên giá 320.000.000đ, khấu hao lũy kế đến thời điểm bán 180.000.000đ, giá bán chưa thuế 150.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí thanh lý tài sản thanh toán bằng tiền mặt là 2.500.000đ **(1,5 điểm)**

**+ Xóa sổ TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 2141 180.000.000

Nợ TK 811 140.000.000 (320.000.000 – 180.000.000)

Có TK 211 320.000.000

**+ Thu nhập bán TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 112 165.000.000

Có TK 711 150.000.000

Có TK 333 15.000.000 (150.000.000 x 10%)

**+ Chi phí thanh lý TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 811 2.500.000

Có TK 111 2.500.000

**1.b.3. Ngày 25/04,** xuất kho 1.200kg nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

Đơn giá 1kg nguyên liệu nhập kho ngày 05/04:

(48.000.000 + 1.800.000)/1.500 = 33.200đ/kg

Nợ TK 621 35.680.000

Có TK 152 35.680.000 (22.400.000 +400kg x 33.200đ/kg)

**Câu 2: *Random 1 trong 2 câu sau***

**Câu 2\_a: (2,0 điểm)**

Công ty Anh Nhi kê khai và tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ. Có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 03/N như sau:

**Yêu cầu:** Hãy ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 03/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**2.a.1. Ngày 10/03,** công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu phổ thông thu bằng tiền gửi ngân hàng, mệnh giá 10.000đ/cp, giá phát hành 15.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

**2.a.2.** **Ngày 15/03,** công ty chi tiền gửi ngân hàng mua 2.000 cổ phiếu X với mục đích kinh doanh, có mệnh giá là 10.000đ/cp, giá mua là 30.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

**2.a.3. Ngày 20/03**, công ty mua lại 5.000 cổ phiếu công ty đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 13.000đ/cp, lệ phí giao dịch 0,5% trên giá thanh toán, toàn bộ bằng chuyển khoản. **(0,5 điểm)**

**2.a.4. Ngày 25/03,** công ty góp bổ sung vốn vào công ty con bằng một thiết bị sản xuất có nguyên giá 120.000.000đ, đã khấu hao 50.000.000đ, trị giá tài sản này do 2 bên đánh giá là 60.000.000đ. **(0,5 điểm)**

**Câu 2\_b: (2,0 điểm)**

Công ty Anh Nhi kê khai và tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ. Có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 03/N như sau:

**Yêu cầu:** Hãy ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 03/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**2.b.1. Ngày 10/03,** công ty phát hành 900.000 cổ phiếu phổ thông thu bằng tiền gửi ngân hàng, mệnh giá 10.000đ/cp, giá phát hành 16.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

**2.b.2.** **Ngày 15/03,** công ty chi tiền gửi ngân hàng mua 2.500 cổ phiếu X với mục đích kinh doanh, có mệnh giá là 10.000đ/cp, giá mua là 28.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

**2.b.3. Ngày 20/03**, công ty mua lại 5.500 cổ phiếu công ty đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 13.500đ/cp, lệ phí giao dịch 0,5% trên giá thanh toán, toàn bộ bằng chuyển khoản. **(0,5 điểm)**

**2.b.4. Ngày 25/03,** công ty góp bổ sung vốn vào công ty con bằng một thiết bị sản xuất có nguyên giá 120.000.000đ, đã khấu hao 50.000.000đ, trị giá tài sản này do 2 bên đánh giá là 80.000.000đ. **(0,5 điểm)**

**Đáp án Câu 2:**

**Câu 2\_a: (2,0 điểm)**

Công ty Anh Nhi kê khai và tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ. Có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 03/N như sau:

**Yêu cầu:** Hãy ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 03/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**2.a.1. Ngày 10/03,** công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu phổ thông thu bằng tiền gửi ngân hàng, mệnh giá 10.000đ/cp, giá phát hành 15.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 112 15.000.000.000 (1.000.000cp x 15.000đ/cp)

Có TK 41111 10.000.000.000 (1.000.000cp x 10.000đ/cp)

Có TK 4112 5.000.000.000 (1.000.000cp x 5.000đ/cp)

**2.a.2.** **Ngày 15/03,** công ty chi tiền gửi ngân hàng mua 2.000 cổ phiếu X với mục đích kinh doanh, có mệnh giá là 10.000đ/cp, giá mua là 30.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 1211 60.000.000 (2.000cp x 30.000đ/cp)

Có TK 112 60.000.000

**2.a.3. Ngày 20/03**, công ty mua lại 5.000 cổ phiếu công ty đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 13.000đ/cp, lệ phí giao dịch 0,5% trên giá thanh toán, toàn bộ bằng chuyển khoản. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 419 65.325.000 (5.000cp x 13.000đ/cp + 5.000cp x 13.000đ/c x 0,5% )

Có TK 112 65.325.000

**2.a.4. Ngày 25/03,** công ty góp bổ sung vốn vào công ty con bằng một thiết bị sản xuất có nguyên giá 120.000.000đ, đã khấu hao 50.000.000đ, trị giá tài sản này do 2 bên đánh giá là 60.000.000đ. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 221 60.000.000

Nợ TK 214 50.000.000

Nợ TK 811 10.000.000 (120.000.000 - 50.000.000 - 60.000.000)

Có TK 211 120.000.000

**Câu 2\_b: (2,0 điểm)**

Công ty Anh Nhi kê khai và tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ. Có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 03/N như sau:

**Yêu cầu:** Hãy ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Anh Nhi trong tháng 03/N.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

**2.b.1. Ngày 10/03,** công ty phát hành 900.000 cổ phiếu phổ thông thu bằng tiền gửi ngân hàng, mệnh giá 10.000đ/cp, giá phát hành 16.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 112 14.400.000.000 (900.000cp x 16.000đ/cp)

Có TK 41111 9.000.000.000 (900.000cp x 10.000đ/cp)

Có TK 4112 5.400.000.000 (900.000cp x 6.000đ/cp)

**2.b.2.** **Ngày 15/03,** công ty chi tiền gửi ngân hàng mua 2.500 cổ phiếu X với mục đích kinh doanh, có mệnh giá là 10.000đ/cp, giá mua là 28.000đ/cp. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 1211 70.000.000 (2.500cp x 28.000đ/cp)

Có TK 112 70.000.000

**2.b.3. Ngày 20/03**, công ty mua lại 5.500 cổ phiếu công ty đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 13.500đ/cp, lệ phí giao dịch 0,5% trên giá thanh toán, toàn bộ bằng chuyển khoản. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 419 74.621.250 (5.500cp x 13.500đ/cp + 5.500cp x 13.500đ/c x 0,5% )

Có TK 112 74.621.250

**2.b.4. Ngày 25/03,** công ty góp bổ sung vốn vào công ty con bằng một thiết bị sản xuất có nguyên giá 120.000.000đ, đã khấu hao 50.000.000đ, trị giá tài sản này do 2 bên đánh giá là 80.000.000đ. **(0,5 điểm)**

Nợ TK 221 80.000.000

Nợ TK 214 50.000.000

Có TK 211 120.000.000

Có TK 711 10.000.000 ( 50.000.000 + 80.000.000 - 120.000.000)

**Câu 3: (1,0 điểm) *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 3\_a: (1,0 điểm)**

Công ty Anh Nhi vào cuối năm 2020 có thông tin về số dư cuối kỳ một số tài khoản như sau: (Đvt: Đồng)

* TK 1211: 600.000.000
* TK 4112 (dư Có): 300.000.000
* TK 41111 : 30.000.000.000 (3.000.000cp x 10.000đ/CP)
* TK 419 : 1.500.000.000 (100.000cp x 15.000 đ/CP)

Ngày 31/12/2020, khi lập BCTC năm 2020 hãy cho biết số dư các tài khoản trên được kế toán trình bày như thế nào trên BCĐKT cột **“Mã số”** và cột **“Số cuối năm”?**

**Câu 3\_b: (1,0 điểm)**

Công ty Anh Nhi vào cuối năm 2020 có thông tin về số dư cuối kỳ một số tài khoản như sau: (Đvt: Đồng)

* TK 1211: 750.000.000
* TK 4112 (dư Nợ): 450.000.000
* TK 41111: 15.000.000.000 (1.500.000cp x 10.000đ/cp)
* TK 419: 1.300.000.000 (100.000cp x 13.000đ/cp)

Ngày 31/12/2020, khi lập BCTC năm 2020 hãy cho biết số dư các tài khoản trên được kế toán trình bày như thế nào trên BCĐKT cột **“Mã số”** và cột **“Số cuối năm”?**

**Đáp án Câu 3: (1,0 điểm)**

*Sinh viên trình bày đúng cột* ***“Mã số”*** *và cột* ***“Số cuối năm”*** *của 1 tài khoản được 0,25 điểm. Trường hợp chỉ đúng cột* ***“Mã số”*** *nhưng sai cột* ***“Số cuối năm”*** *được 0,15 điểm.*

**Câu 3\_a: (1,0 điểm)**

* TK 1211: Mã số 121 - Số cuối năm: 600.000.000 **(0,25 điểm)**
* TK 4112 (dư Có): Mã số 412 - Số cuối năm: 300.000.000 **(0,25 điểm)**
* TK 41111: Mã số 411a - Số cuối năm: 30.000.000.000 **(0,25 điểm)**
* TK 419: Mã số 415 - Số cuối năm: (1.500.000.000) **(0,25 điểm)**

**Câu 3\_b: (1,0 điểm)**

* TK 1211: Mã số 121 - Số cuối năm: 750.000.000 **(0,25 điểm)**
* TK 4112 (dư Nợ): Mã số 412 - Số cuối năm: (450.000.000) **(0,25 điểm)**
* TK 41111: Mã số 411a - Số cuối năm: 15.000.000.000 **(0,25 điểm)**
* TK 419: Mã số 415 - Số cuối năm: (1.300.000.000) **(0,25 điểm)**

*Ngày biên soạn: 17/10/2021*

**Giảng viên biên soạn đề thi:** Phạm Thị Thu Huyền

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:** Nguyễn Thị Thu Vân

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email:[khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com)bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.pHẠM